TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 16-03-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay và nợ hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Thị Kiều Oanh**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
2. Ông Danh Út Nhỏ.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên toà.*

Ngày 16 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2021/TLST-DS, ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc "tranh chấp hợp đồng vay và nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 03 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: bà Đỗ Thị H, sinh năm 1954 (có mặt)
Địa chỉ: ấp 10, xã V, huyện G, tỉnh K

Bị đơn: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950 (có mặt)
Địa chỉ: ấp 3, xã V, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày như sau:

Vào năm 2016 bà N có nợ bà H gồm tiền hụi và tiền vay tổng cộng số nợ 119.000.000đồng (Một trăm mười chín triệu đồng), do không có tiền trả nên bà N có làm giấy tay ngày 01/6/2017 cố đất cho bà diện tích đất ngang 10m dài 40m, đất toạ lạc tại ấp 3, xã V (nhưng không ghi tổng diện tích đất, số tờ, số thửa và người đứng tên quyền sử dụng đất) bằng số tiền 119.000.000đồng hẹn 15 tháng chuộc nhưng đến hẹn bà N không chuộc và cũng không đồng ý tiếp tục thực hiện thỏa thuận cố đất mà bà N xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ, tổng số tiền bà N trả dần đến khoảng tháng 5/2021 được 33.000.000đồng. Từ đó đến nay thì bà N không trả thêm khoản nào, tính đến nay bà N còn nợ bà 86.000.000 đồng, toàn bộ số tiền nợ này là do một mình bà N thiếu không liên quan đến ai. Nội dung sự việc bà có yêu cầu Ban lãnh đạo ấp giải quyết nhưng không thành do không thống nhất thời gian và phương thức trả nợ nên bà khởi kiện đến Tòa án.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc một mình bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà số tiền nợ 86.000.000đồng (Tám mươi sáu triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai đề ngày 28/2/2022, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày như sau: Vào khoảng năm 2015-2016 bà có nợ tiền vay và tiền hụi của bà H, vì bà hốt hụi của bà H nhưng không nhớ tiền vay và tiền hụi bao nhiêu, do không có khả năng trả đủ số tiền nợ nên đến năm 2017 bà và bà H chốt nợ lại thì bà còn nợ bà H 119.000.000đồng (một trăm mười chín triệu đồng) và bà có làm giấy tay cố đất cho bà H bằng số tiền 119.000.000đồng hẹn 15 tháng chuộc, đến hạn bà không có đủ tiền chuộc mà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ và hủy bỏ giao kết cầm cố đất, bà H vẫn đồng ý. Bà có trả mỗi tháng 2.000.000đồng được tổng cộng 33.000.000đồng (ba mươi ba triệu đồng) nhưng đến khi dịch Covid bùng phát do các con bà không đi làm được nên không thể tiếp tục trả nợ được nữa, bà đã không trả nợ cho bà H từ khoảng tháng 5/2021 đến nay nên bà H khởi kiện đến Tòa án.

Tại phiên tòa bà N thừa nhận còn nợ bà Đỗ Thị H số tiền 86.000.000đồng (Tám mươi sáu triệu đồng), số tiền nợ này bà tự chịu trách nhiệm trả một mình không liên quan đến ai nhưng do hoàn cảnh của bà hiện nay rất khó khăn, già yếu không có thu nhập chỉ có vườn măng cụt mà còn không được mùa nên bà xin trả dần cho bà H mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) cho đến khi hết nợ và yêu cầu không tính lãi, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Đỗ Thị H và Nguyễn Thị N là "Tranh chấp vay tài sản và nợ hụi". Bị đơn có địa chỉ tại ấp 3, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Năm 2016 bà N có hốt hụi và vay tiền của bà H, đến năm 2017 bà H và bà N chốt nợ lại thì bà N còn nợ bà H 119.000.000đồng (một trăm mười chín triệu đồng) và bà N có làm giấy tay cố đất cho bà H bằng số tiền 119.000.000đồng hẹn 15 tháng chuộc, đến hạn bà N không có đủ tiền chuộc mà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ và hai bên thống nhất hủy bỏ giao kết cầm cố đất. Bà N có trả mỗi tháng 2.000.000đồng được tổng cộng 33.000.000đồng (ba mươi ba triệu đồng), tính đến tháng 5/2021 thì bà N còn nợ bà H số tiền 86.000.000đồng (Tám mươi sáu triệu đồng) do bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà N thanh toán số tiền nợ. Bà N thừa nhận còn nợ bà H số tiền 86.000.000đồng (Tám mươi sáu triệu đồng) nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nên xét yêu cầu khởi kiện của bà N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy nhiên, bà N cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) cho đến khi hết nợ nhưng không được bà H đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét mà buộc bà N phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ 86.000.000đồng (Tám mươi sáu triệu đồng) cho bà H là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. 86.000.000 x 5% = 4.300.000đồng buộc bà N phải nộp. Nhưng xét bà N là Người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí được chính quyền địa phương xác nhận nên căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận miễn nộp 100% số tiền án phí phải nộp cho bà N.

Yêu cầu của bà H được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà bà đã nộp là 2.150.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006597 ngày 24/12/2021của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 92, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 16, 17 và Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về "họ, hụi, biêu, phường" và điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị H.

Buộc: bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị H số tiền 86.000.000đồng (Tám mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà N chưa trả đủ số tiền nêu trên thì bà N còn phải chịu lãi suất theo mức lãi quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là: Miễn nộp án phí dân sự có giá ngạch cho bà Nguyễn Thị N.

Bà H được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà bà đã nộp là 2.150.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006597 ngày 24/12/2021của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 16/3/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**